

Bản án số: **58/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2022

Về việc: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hồng Hải  
Ông Phạm Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 33A/TB-TA ngày 27/9/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ Đ** - sinh năm: 1971; nơi đăng ký thường trú: Tổ 22 phường H, quận H, thành phố Đ; nơi cư trú hiện nay: T 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. *Có mặt.*

**2. Bị đơn:** Ông **Huỳnh D** - sinh năm: 1961; nơi cư trú: Số 374 đường N, tổ 44, phường V, quận T, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 17/5/2022, bản tự khai đề ngày 15/8/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ Đ trình bày:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Huỳnh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 12 năm 1989 tại UBND phường V, quận T, thành phố Đ. Trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng

nói chung nên thường xuyên cãi nhau, ông D không có niềm tin với bà Đ nên thường hay ghen tuông và đánh đập. Bên cạnh đó, ông D cho rằng bà Đ gây ra nợ nần nên mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên hiện nay bà Đ đã sống ly thân với ông D. Do vậy, bà Đức xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh D.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ xác định vợ chồng có 03 con chung là: Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1990; Huỳnh Ngọc Th, sinh năm: 1995; Huỳnh Ngọc Phương Th1, sinh năm: 2003. Hiện nay, cả 03 con đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ xác định không có.

*Bị đơn là ông Huỳnh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; không có ý kiến, văn bản phản hồi.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Đ phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Đ đối với bị đơn ông Huỳnh D về việc: “Ly hôn”.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ Đ được ly hôn với ông Huỳnh D.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Huỳnh D có 03 con chung là: Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1990; Huỳnh Ngọc Th, sinh năm: 1995; Huỳnh Ngọc Phương Th1, sinh năm: 2003. Hiện nay, cả 03 con đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ xác định không có nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh D có hộ khẩu thường trú

tại số 374 đường N, tổ 44, phường V, quận T, thành phố Đ nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đ.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Huỳnh D.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông D. Do vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Huỳnh D.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Huỳnh D là hợp pháp. Theo bà Đ trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về kinh tế, đồng thời ông D không tin tưởng nên hay ghen tuông, đánh đập, xúc phạm bà Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giai đoạn làm việc với Hoà giải viên thì ông D có xác định tại Bản tự khai và Biên bản ghi nhận ý kiến đương sự cùng ngày 02/6/2022 rằng: Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Đ gây ra nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế chung của gia đình, bên cạnh đó bà Đ không chung thủy và bỏ ra ngoài sinh sống nhưng ông không đồng ý ly hôn vì lý do tôn giáo của cá nhân ông. Kể từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông D đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông D bỏ mặt, không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà nên Hội đồng xét xử có căn cứ định xác định mâu thuẫn vợ chồng như bà Đ trình bày là có thật.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của bà Đ và ông D đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyện vọng xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ Đ là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ và ông Huỳnh D có 03 con chung là: Huỳnh Ngọc T, sinh năm: 1990; Huỳnh Ngọc Th, sinh năm: 1995; Huỳnh Ngọc Phương Th1, sinh năm: 2003. Hiện nay, cả 03 con đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

- *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ xác định không có nên không đề cập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ Đ phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Ly hôn*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Đ đối với bị đơn ông Huỳnh D.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Mỹ Đ được ly hôn với ông Huỳnh D.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Mỹ Đ phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu số 0002812 ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đ. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

#### ***Nơi nhận:***

- Các bên đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường V, quận T, TP. Đ.  
(Quyển số 03 số 41 ngày 18/12/1989)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Kim Ánh**